SỞ Y TẾ BẮC GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số: 475/VSN/ KSBTBG)

VILAS 591

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong thủy tinh dung tích 500 ml có nắp, lượng mẫu 1500 mL, bảo quản ở nhiệt độ 4^0C.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Thắng Cương, địa chỉ: Tổ dân phố 193, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Ngày lấy mẫu: 11/5/2023

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu số 308/BB- KSBTBG

Mã số mẫu: 23.BG. 666

Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Thắng Cương - Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Nam Sơn

Địa chỉ: Tổ dân phố 193, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Ngày nhận mẫu: 11/5/2023

Ngày kiểm nghiệm: 11/5/2023

Lí do lấy mẫu: Theo kế hoạch số 74/KH-KSBT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang

Kết quả thử nghiệm

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2021/BG	Kết luận
1	Coliforms*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100mL	KPH	<3	Đạt
2	*E.coli**	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt
3	*P.aeruginosa*	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt
4	*S.aureus**	SMEWW 9213B	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt

Ghi chú: QCĐP 01:2021/BG : Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giới hạn phát hiện với chỉ tiêu *Coliforms:≥1(CFU/100ml), E.coli:≥1(CFU/100ml), S.aureus: ≥1(CFU/100ml).*

Bắc Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2023

KIỂM NGHIỆM VIÊN	KHOA XÉT NGHIỆM Trưởng khoa	LÃNH ĐẠO
Nguyễn Văn Nguyên	Dương Thị Hiền	PHÓ GIÁM ĐỐC PHAN THỊ THI

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẮC GIANG

Mã số: BM-TT 7.8 – 01 *Lần ban hành: 01.19*

1. KPH: Không phát hiện,2. KQĐ: Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS

SỞ Y TẾ BẮC GIANG
TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số: 742 HLN/KSBTBG)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong thủy tinh có nắp đậy, dung tích 500 mL, lượng mẫu 1500ml, bảo quản ở nhiệt độ 4^0C

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Thắng Cương

Ngày lấy mẫu: 11/5/2023

Lý do gửi mẫu: Theo KH số 74/KH-KSBT ngày 08/5/2023

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Mã số mẫu: 23.BG.666

Tên cơ sở: Nhà máy nước sạch Thắng Cương – Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Nam Sơn

Địa chỉ: Khu dân cư 193, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Ngày nhận mẫu: 11/5/2023

Ngày kiểm nghiệm: 11/5/2023

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu

TT	Thông số phân tích	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2021/BG	Đánh giá
1	pH *	TCVN 6492:2011	-	7,20	6,0-8,5	Đạt
2	Mùi vị	PPPTN	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Đạt
3	Độ đục	TCVN 6184:1996	NTU	0,3	≤ 2,0	Đạt
4	Màu sắc	TCVN 6185: 2015	TCU	2,3	≤ 15	Đạt
5	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH	≤ 0,05	Đạt
6	Hàm lượng Sắt (Fe) *	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH	≤ 0,3	Đạt
7	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ *	TCVN 6224:1996	mg/L	104,0	≤ 300	Đạt
8	Chỉ số Pecmanganat *	TCVN 6186:1996	mg/L	1,92	≤ 2,0	Đạt
9	Hàm lượng Amoni (NH_4^+)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	KPH	≤ 0,3	Đạt
10	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-)	TCVN 6180: 1996	mg/L	0,17	≤ 2,0	Đạt
11	Hàm lượng Sulfate (SO_4^{2-})	PPPTN	mg/L	12,8	≤ 250	Đạt

1. KPH: Không phát hiện
2. KQĐ: Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS

12	Hàm lượng Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH	≤ 0,1	Đạt
13	Hàm lượng Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0043	≤0,01	Đạt
14	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH	≤0,001	Đạt
15	Hàm lượng Cadimi (Cd) *	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0,003	Đạt
16	Hàm lượng Đồng (Cu) *	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH	≤1,0	Đạt
17	Hàm lượng Kẽm (Zn) *		mg/L	KPH	≤2,0	Đạt
18	Hàm lượng Niken (Ni) *	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,007	≤0,07	Đạt
19	Hàm lượng Arsen (As)		mg/L	KPH	≤ 0,01	Đạt
20	Hàm lượng Clo dư *	TCVN 6225-2:2012	mg/L	0,48	0.2-1,0	Đạt
21	Atrazine	PPPTN Sắc ký khí khối phổ (GC- MS)	µg/L	KPH	≤100	Đạt
22	Permethrin		µg/L	KPH	≤20	Đạt
23	Chloroform		µg/L	KPH	≤300	Đạt
24	Propanil		µg/L	KPH	≤20	Đạt

Ghi chú: *QCĐP 01: 2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*

Giới hạn định lượng của Fe: 0,03 mg/L; NO_2: 0,01 mg/L; Mn: 0,01 mg/L Pb:0,001 mg/L; Cd: 0,0005 mg/L; Cu: 0,1 mg/L; Zn: 0,1 mg/L, Ni: 0,003 mg/L; Amoni: 0,03 mg/L;

Bắc Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2023

CÁN BỘ XÉT NGHIỆM	KHOA XÉT NGHIỆM Trưởng khoa	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Tâm	Dương Thị Hiền	PHÓ GIÁM ĐỐC PHAN THỊ THI

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẮC GIANG

1. KPH: Không phát hiện
2. KQĐ: Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS